

HƯỚNG DẪN ÔN TẬP CUỐI KÌ I_ MÔN ĐỊA LÍ 12
Năm học 20223-2024

A. PHẦN LÍ THUYẾT:

Chủ đề 1-. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ PHẠM VI LÃNH THỔ

I. Vị trí địa lí

- Nằm ở phía Đông Nam châu Á, thuộc rìa phía Đông của bán đảo Đông Dương, gần trung tâm khu vực Đông Nam Á. Trên đất liền giáp 3 nước (TQ, Lào, Campuchia). Trên biển giáp 8 nước (Trung Quốc, Philippin, Malaixia, Indonexia, Brunay, Singapo, Thái Lan, Campuchia).

(xem At lát trang 4-5_ lược đồ phụ)

- Hệ tọa độ địa lí (xem At lát trang 4-5_ lược đồ hình thể)

=> Như vậy nước ta nằm trọn trong **vòng đai nội chí tuyến của bán cầu Bắc Phạm vi lãnh thổ** (3 vùng)

Vùng đất	Vùng biển	Vùng trời
- Gồm đất liền và các hải đảo - Phần lớn là đảo ven bờ và 2 quần đảo xa bờ là Hoàng Sa (Đà Nẵng) và Trường Sa (Khánh Hòa)	- Diện tích : Khoảng 1 triệu km ² - Bao gồm 5 bộ phận: + Nội thủy , (là vùng tiếp giáp đất liền, phía trong đường cơ sở, được xem như bộ phận trên đất liền). + Lãnh hải (từ đường cơ sở ra 12 hải lí, thuộc chủ quyền quốc gia trên biển + Tiếp giáp lãnh hải (vùng biển tiếp liền phía ngoài lãnh hải Việt Nam có chiều rộng là 12 hải lý, được quy định nhằm đảm bảo chủ quyền của nước ven biển + Vùng đặc quyền kinh tế (hợp với lãnh hải Việt Nam thành một vùng biển rộng 200 hải lý kể từ đường cơ sở. VN có chủ quyền về kinh tế nhưng nước ngoài được đặt ống dẫn dầu, dây cáp ngầm + thềm lục địa : Phần ngầm dưới biển có độ sâu 200m hoặc hơn nữa	Là khoảng không gian không giới hạn về độ cao bao trùm lên lãnh thổ nước ta, được xác định bằng: <i>đường biên giới trên đất liền và ranh giới bên ngoài của lãnh hải, không gian các đảo trên biển</i>

III. Ý nghĩa

Tự nhiên	Kinh tế	Văn hóa – I hộ	Quốc phòng
<p>+ Vị trí địa lí đã quy định đặc điểm cơ bản của thiên nhiên nước ta mang tính chất nhật đới ẩm gió mùa.</p> <p>+ (nơi giao thoa của nhiều luồng sinh vật) nên có tài nguyên sinh vật vô cùng phong phú.</p> <p>+ Vị trí và hình thể nước ta đã tạo nên sự phân hoá đa dạng của tự nhiên.</p> <p>+ Do vị trí nội chí tuyến và giáp biển, nơi giao tranh của các khối khí nên VN cũng nằm trong vùng có nhều thiên tai trên thế giới nhất là bão, lũ lụt, hạn hán..</p>	<p>- Nằm ở ngã tư đường hàng hải và hàng không quốc tế quan trọng, thuận lợi giao lưu với các nước .</p> <p>Cửa ngõ ra biển của Lào, Thái Lan, Đông Bắc Campuchia, Tây Nam Trung Quốc, thuận lợi phát triển các ngành kinh tế, các vùng lãnh thổ, thực hiện chính sách hội nhập, mở cửa</p>	<p>- Nhờ có vị trí liền kề cùng những nét tương đồng về văn hóa, phong tục tập quán chung sống hòa bình, hợp tác hữu nghị, cùng phát triển với các nước láng giềng và khu vực Đông Nam Á</p>	<p>- Có vị trí đặc biệt quan trọng ở Đông Nam Á</p> <p>- Biển Đông có ý nghĩa rất quan trọng trong công cuộc xây dựng, phát triển kinh tế và bảo vệ đất nước</p>

Chuyên đề 1- ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA TỰ NHIÊN VIỆT NAM

- Đất nước nhiều đồi núi
- Thiên nhiên ảnh hưởng sâu sắc của biển
- Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa
- Thiên nhiên phân hóa đa dạng

Chủ đề 2 - ĐẤT NƯỚC NHIỀU ĐỒI NÚI (Bài 6,7)

I. Đặc điểm chung của địa hình

1. Địa hình đồi núi chiếm phần lớn diện tích nhưng chủ yếu là đồi núi thấp

- Đồi núi chiếm 3/4 diện tích, đồng bằng chiếm 1/4 diện tích.
- Đồi núi thấp chiếm hơn 60% diện tích, núi cao trên 2000m chỉ chiếm 1%

2. Cấu trúc địa hình khá đa dạng

- Địa hình nước ta có tính phân bậc theo độ cao.
- Địa hình thấp dần từ Tây Bắc xuống Đông Nam và phân hóa đa dạng.
- Cấu trúc địa hình gồm 2 hướng chính:

- + Hướng TB - ĐN (vùng núi Tây Bắc và Trường Sơn Bắc)
- + Hướng vòng cung (vùng núi Đông Bắc và Trường Sơn Nam).

3. Địa hình của vùng nhiệt đới ẩm gió mùa

Xâm thực mạnh ở vùng núi, bồi tụ nhanh ở đồng bằng

4. Địa hình chịu tác động mạnh mẽ của con người

II. CÁC KHU VỰC ĐỊA HÌNH

1. Khu vực đồi núi

	Đông Bắc	Tây Bắc	Trường Sơn Bắc	Trường Sơn Nam
Phạm vi	Tả ngạn sông Hồng	Nằm giữa sông Hồng và sông Cả	Phía Nam sông Cả đến Bạch Mã	Phía Nam dãy Bạch Mã
Hướng núi	Vòng cung	Tây Bắc – Đông Nam	Tây Bắc – Đông Nam	Vòng cung
Đặc điểm Cấu trúc địa hình	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ yếu là đồi núi thấp. - Có 4 cánh cung lớn (sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn, Đông Triều) chụm đầu ở Tam Đảo, mở rộng về phía Bắc và phía Đông. - Hướng nghiêng: Tây Bắc - Đông Nam. - Hướng núi và sông : hướng vòng cung 	<ul style="list-style-type: none"> - Địa hình cao nhất nước ta. - Có 3 dải địa hình chạy song song cùng hướng TB-ĐN + Phía đông là dãy Hoàng Liên Sơn cao đồ sộ. + Phía tây là các dãy núi trung bình chạy dọc biên giới Việt - Lào. + Ở giữa là sơn nguyên và cao nguyên đá vôi 	<ul style="list-style-type: none"> - Núi thấp và trung bình - Các dãy núi song song, so le nhau. - Thấp, hẹp ngang, nâng cao ở 2 đầu, thấp ở giữa. - Dãy Bạch Mã đâm ngang ra biển 	<ul style="list-style-type: none"> - Núi trung bình - Gồm các khối núi và cao nguyên. - Bất đối xứng rõ rệt giữa 2 sườn Đông - Tây : + Phía Tây: sườn thoải. + Phía Đông: dốc đứng

BÀI 7. ĐẤT NƯỚC NHIỀU ĐỒI NÚI (tt)

2. Khu vực đồng bằng

- Đồng bằng chiếm $\frac{1}{4}$ diện tích lãnh thổ, được chia làm 2 loại: đồng bằng châu thổ và đồng bằng ven biển.

- Đồng bằng châu thổ sông: gồm đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long. Hai đồng bằng này đều được thành tạo và phát triển do phù sa sông bồi tụ dần trên vịnh biển nông, thềm lục địa mở rộng.

- So sánh sự khác biệt các đồng bằng:

	Đồng bằng sông Hồng	Đồng bằng sông Cửu Long	Đồng bằng ven biển
Diện tích	Khoảng 15000 km ²	Khoảng 40000 km ²	Khoảng 15000 km ²
Điều kiện hình thành	Phù sa hệ thống sông Hồng và hệ thống sông Thái Bình bồi đắp.	Phù sa hệ thống sông Mê Công bồi đắp	Chủ yếu là phù sa biển
Địa hình	<ul style="list-style-type: none">- Cao ở rìa phía Tây và Tây Bắc, thấp dần ra biển- Bị chia cắt thành nhiều ô- Có hệ thống đê ven sông- Trong đê có các khu ruộng cao và các ô trũng ngập nước.	<ul style="list-style-type: none">- Thấp và bằng phẳng hơn đồng bằng sông Hồng- Có mạng lưới sông ngòi, kênh rạch chằng chịt- Không có đê ngăn lũ : Mùa lũ bị ngập trên diện rộng, mùa khô bị thủy triều xâm nhập.- Có các vùng trũng lớn như Đồng Tháp Mười, Tứ Giác Long Xuyên ... chưa bồi đắp xong.	<ul style="list-style-type: none">- Hẹp ngang, bị chia cắt thành nhiều đồng bằng nhỏ.- Thường có sự phân chia thành 3 dải :<ul style="list-style-type: none">+ giáp biển: cồn cát+ giữa: thấp trũng.+ trong cùng: đồng bằng
Đất	<ul style="list-style-type: none">- Đất trong đê bạc màu do không được bồi đắp.- Đất ngoài đê màu mỡ	<ul style="list-style-type: none">- Đất phù sa màu mỡ được bồi đắp thường xuyên.	Nghèo dinh dưỡng, nhiều cát, ít phù sa sông.

Chủ đề 3-. THIÊN NHIÊN CHỊU ẢNH HƯỞNG SÂU SẮC CỦA BIỂN (Bài 8)

I. Khái quát về Biển Đông

- Là một biển rộng, có diện tích 3,447 triệu km² (biển lớn thứ 2 trong Thái Bình Dương)
 - Là biển tương đối kín (phía bắc, phía tây là lục địa, phía đông và đông nam được bao bọc bởi các vòng cung đảo).
 - Là vùng biển nằm trong vùng nhiệt đới ẩm gió mùa (biểu hiện ở các yếu tố hải văn như : nhiệt độ, độ mặn, các dòng hải lưu, chế độ sóng, thủy triều) và sinh vật biển : năng suất sinh học cao, giàu thành phần loài tiêu biểu cho khí hậu vùng nhiệt đới ẩm gió mùa
- Thiên nhiên nước ta có sự thống nhất giữa đất liền và biển.

II. Ảnh hưởng của Biển Đông đến thiên nhiên Việt Nam

Khí hậu	Địa hình và các hệ sinh thái vùng ven biển	Tài nguyên thiên nhiên vùng biển	Thiên tai
<ul style="list-style-type: none"> - Làm tăng độ ẩm của các khối khí di chuyển qua biển - > lượng mưa, độ ẩm lớn, đồng thời làm giảm tính khắc nghiệt của thời tiết : Mùa đông bớt lạnh khô, mùa hè bớt nóng bức. - Làm cho khí hậu nước ta mang nhiều đặc tính của khí hậu hải dương nên điều hòa hơn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Địa hình ven biển rất đa dạng : vũng vịnh, cồn cát, đầm phá, bãi biển ... - Các hệ sinh thái vùng ven biển rất đa dạng và giàu có : <ul style="list-style-type: none"> + Hệ sinh thái rừng ngập mặn (450 nghìn ha, riêng Nam Bộ là 300 nghìn ha, lớn thứ 2 thế giới sau rừng ngập mặn Amazon) + Hệ sinh thái trên đất phèn. + Hệ sinh thái rừng trên các đảo. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tài nguyên khoáng sản <ul style="list-style-type: none"> + Dầu mỏ và khí đốt có giá trị và trữ lượng lớn (Nam Côn Sơn, Cửu Long, Thổ Chu – Mã Lai + Cát ven biển có trữ lượng titan lớn là nguyên liệu quý cho công nghiệp + Khai thác muối Sa Huỳnh – Quảng Ngãi và Cà Ná – Ninh Thuận] - Tài nguyên hải sản : đa dạng, phong phú, giàu thành phần loài, năng suất sinh học cao 	<ul style="list-style-type: none"> - Bão : Mỗi năm có 9 – 10 trên Biển Đông, 3 – 4 cơn bão đổ bộ vào nước ta. - Sạt lở bờ biển : Nhất là dải bờ biển Trung Bộ - Hiện tượng cát bay, cát chảy, lấn chiếm ruộng vườn, làng mạc, hoang mạc hóa đất đai ...

Chủ đề 4-. THIÊN NHIÊN NHIỆT ĐỚI ẨM GIÓ MÙA (Bài 9,10)

I. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa

1. Tính chất nhiệt đới

- Tổng bức xạ lớn
 - Cán cân bức xạ luôn dương.
 - Nhiệt độ TB năm lớn hơn 20⁰C
 - Số giờ nắng lớn: 1400-3000 giờ/năm.
- Nguyên nhân : Nước ta nằm trong khu vực nội chí tuyến bán cầu Bắc, góc nhập xạ lớn, mỗi năm có 2 lần Mặt Trời lên thiên đỉnh

2. Lượng mưa, độ ẩm lớn

- Lượng mưa lớn : Trung bình từ 1500 → 2000 mm/năm, một số khu vực đón gió và núi cao lượng mưa lên đến 3500 → 4000 mm/năm
- Độ ẩm không khí cao : > 80%, cân bằng ẩm luôn dương

→ Nguyên nhân : Do các khối khí di chuyển qua biển (trong đó có biển Đông) đã mang lại cho nước ta lượng mưa lớn

3. Gió mùa

* Tín phong :

- Do nước ta nằm ở khu vực nội chí tuyến bán cầu Bắc nên có Tín phong hướng Đông Bắc hoạt động quanh năm nhưng bị lấn áp bởi gió mùa, chỉ hoạt động xen kẽ với gió mùa hoặc mạnh lên vào thời kỳ chuyển tiếp giữa 2 mùa gió.

- Từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, miền Bắc chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc, miền Nam (từ Đà Nẵng trở vào) chịu ảnh hưởng của Tín phong, đây là nguyên nhân gây mưa cho Trung Trung Bộ và mùa khô cho Tây Nguyên và Nam Bộ nước ta.

* **Gió mùa** :Do nằm trong khu vực gió mùa châu Á nên khí hậu nước ta chịu ảnh hưởng bởi gió mùa, trong một năm có hai mùa gió là: gió mùa mùa đông (gió mùa Đông Bắc) và gió mùa mùa hè(gió mùa Tây Nam)

Tóm tắt hoạt động của gió mùa ở nước ta bằng bảng sau:

Gió mùa	Hướng gió	Nguồn gốc	Phạm vi hoạt động	Thời gian hoạt động	Tính chất	Ảnh hưởng đến khí hậu
mùa đông	Đông Bắc	Áp cao Xibia	Miền Bắc	Tháng XI-IV	Nửa đầu mùa: lạnh, khô.	Mùa đông lạnh ở miền Bắc
					Nửa sau mùa: lạnh, ẩm (có mưa phùn ven biển và các đồng bằng bắc bộ, BTB)	
mùa hè	Tây Nam	Nửa đầu mùa: khối khí nhiệt đới ẩm Bắc Ấn Độ Dương	Cả nước	V-VII	Nóng ẩm	- Mưa ở Nam Bộ, Tây Nguyên. - Khô, nóng cho Trung Bộ, phía nam vùng TB.
		Giữa và cuối mùa : áp cao cận chí tuyến BCN		VI-X	Nóng ẩm	Mưa cho cả nước

BÀI 10. THIÊN NHIÊN NHIỆT ĐỚI ẨM GIÓ MÙA (tt)

I. Các thành phần tự nhiên khác

	Biểu hiện	Nguyên nhân
Địa hình	- Xâm thực mạnh ở vùng đồi núi	-Do địa hình đồi núi dốc, cắt xẻ mạnh - Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, mưa nhiều tập trung theo mùa - Lớp phủ thực vật bị mất - Hoạt động con người
	- Bồi tụ nhanh ở đồng bằng hạ lưu sông	Do quá trình xâm thực mạnh ở vùng đồi núi
Sông ngòi	- Mạng lưới sông ngòi dày đặc nhưng chủ yếu là sông nhỏ	- Do địa hình đồi núi dốc bị cắt xẻ mạnh tạo nên những dòng chảy thường xuyên
	- Sông ngòi nhiều nước, giàu phù sa	- Sông ngòi nhiều nước do khí hậu mưa nhiều, nhận nước từ ngoài lãnh thổ (60%) - Sông ngòi giàu phù sa do quá trình xâm thực mạnh ở vùng đồi núi.
	- Chế độ nước theo mùa	Do khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có một mùa mưa và một mùa khô rõ rệt nên sông ngòi cũng có một mùa lũ và 1 mùa cạn(mùa

	- Chế độ nước (dòng chảy) thất thường	lũ trùng mùa mưa, mùa cạn trùng với mùa khô khí hậu) - Do khí hậu diễn biến thất thường
Đất	- Quá trình đặc trưng : Quá trình feralit - Đặc điểm : + Đất có màu đỏ vàng do tích tụ ô xít sắt và nhôm + Tầng đất dày, dễ thoát nước, thoát khí, + đặc tính chua do bị rửa trôi các chất ba zo	- Do địa hình đồi núi thấp và khí hậu nhiệt đới ẩm
	- Đất feralit là loại đất chính ở vùng đồi núi nước ta	- Do địa hình đồi núi thấp chiếm ưu thế tuyệt đối
Sinh vật	- Hệ sinh thái rừng nguyên sinh cho khí hậu nước ta là rừng nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh - Hiện nay, phổ biến là rừng thứ sinh Trong giới sinh vật thành phần các loài nhiệt đới chiếm ưu thế - Hệ sinh thái rừng nhiệt đới ẩm gió mùa trên đất feralit là cảnh quan tiêu biểu cho thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa nước ta	Do địa hình đồi núi thấp và khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa

Chủ đề 5-. THIÊN NHIÊN PHÂN HÓA ĐA DẠNG(Bài 11,12)

I. Thiên nhiên phân hóa theo Bắc – Nam

	Phần lãnh thổ phía Bắc	Phần lãnh thổ phía Nam
Nguyên nhân	Do nước ta trải dài trên nhiều vĩ độ (15 vĩ độ), càng vào Nam thì càng gần Xích đạo, lượng bức xạ nhận được càng lớn (do góc nhập tầng), đồng thời ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc cũng yếu đi. Đây là nguyên nhân làm cho khí hậu và thiên nhiên nước ta có sự phân hóa giữa miền Bắc với miền Nam mà ranh giới là dãy Bạch Mã.	
Giới hạn	Từ dãy Bạch Mã trở ra	Từ dãy Bạch Mã trở vào
Thiên nhiên đặc trưng	Thiên nhiên đặc trưng cho vùng khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh	Thiên nhiên mang sắc thái của vùng khí hậu cận xích đạo gió mùa
Khí hậu	- Nhiệt độ trung bình năm > 20 ⁰ C - Có 2 → 3 tháng nhiệt độ < 18 ⁰ C - Biên độ nhiệt trung bình năm lớn - Có 2 mùa : Mùa đông và mùa hạ	- Nhiệt độ trung bình năm > 25 ⁰ C - Không có tháng nào nhiệt độ < 20 ⁰ C - Biên độ nhiệt trung bình năm nhỏ - Có 2 mùa : Mùa khô và mùa mưa
Cảnh quan	- Rừng nhiệt đới gió mùa. Trong rừng, thành phần loài nhiệt đới chiếm ưu thế, ngoài ra, còn có những loài cận nhiệt đới và ôn đới - Cảnh sắc thiên nhiên thay đổi theo mùa : + Mùa đông : Nhiều mây, lạnh, ít mưa, nhiều loài cây bị rụng lá + Mùa hạ : Nắng nóng, mưa nhiều, cây cối xanh tốt	Rừng cận xích đạo gió mùa. Trong rừng, thành phần loài thuộc vùng xích đạo và nhiệt đới. Xuất hiện nhiều loại cây rụng lá vào mùa khô

II. Thiên nhiên phân hóa theo Đông – Tây

Vùng biển và thềm lục địa	Vùng đồng bằng ven biển	Vùng đồi núi
* Nguyên nhân : Địa hình nước ta cao ở phía Tây và thấp dần về phía Đông; ảnh hưởng của các dãy		
núi hướng Tây Bắc – Đông Nam và vòng cung cũng như ảnh hưởng của Biển Đông đến thiên nhiên nước ta.		
<p>- Vùng biển lớn gần 3 lần diện tích đất liền và có trên 3000 hòn đảo lớn nhỏ</p> <p>- Độ rộng – hẹp, nông – sâu của thềm lục địa có mối quan hệ chặt chẽ với vùng đồng bằng, đồi núi kề bên và thay đổi theo từng đoạn kề biển</p> <p>+ Thềm lục địa phía Bắc và phía Nam rộng, nông là nơi quy tụ nhiều đảo ven bờ và mở rộng đồng bằng châu thổ</p> <p>+ Thềm lục địa vùng biển Nam Trung Bộ hẹp ngang, bị chia cắt, đường bờ biển khúc khuỷu, nhiều núi ăn lan ra sát biển, đồng bằng nhỏ hẹp</p>	<p>Thiên nhiên vùng đồng bằng thay đổi tùy nơi, thể hiện mối quan hệ chặt chẽ giữa dải đồi núi phía Tây và đồng bằng phía Đông.</p> <p>+ Đồng bằng Bắc Bộ và Nam Bộ mở rộng, thấp, phẳng, thềm lục địa nông, rộng; trù phú, xanh tươi...</p> <p>+ Dải đồng bằng ven biển Trung Bộ hẹp ngang, bị chia cắt thành những đồng bằng nhỏ, đường bờ biển khúc khuỷu, thềm lục địa thu hẹp. Địa hình các cồn cát, đầm phá khá phổ biến, thiên nhiên khắc nghiệt, đất đai kém màu mỡ nhưng giàu tiềm năng du lịch và thuận lợi pt kinh tế biển.</p>	<p>Sự phân hóa thiên nhiên phức tạp do tác động của gió mùa với hướng các dãy núi</p> <p>- Vùng núi Đông Bắc mang sắc thái cận nhiệt đới gió mùa</p> <p>- Vùng núi Tây Bắc :</p> <p>+ Vùng núi thấp phía Nam : Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa</p> <p>+ Vùng núi cao : Thiên nhiên giống như vùng ôn đới</p> <p>- Đông Trường Sơn khi vào mùa thu đông mưa nhiều, thì Tây Nguyên lại là mùa khô, xuất hiện cảnh quan rừng thưa rụng lá vào nửa đầu mùa hạ, còn Tây Nguyên vào mùa mưa thì Đông Trường Sơn lại chịu tác động của gió Tây khô nóng.</p>

III. Thiên nhiên phân hóa theo độ cao

Đai cao	Độ cao	Đặc điểm khí hậu	Các loại đất chính	Các hệ sinh thái chính
* Nguyên nhân : Do khí hậu (nhiệt và ẩm) thay đổi theo độ cao : Càng lên cao nhiệt độ càng giảm (trung bình cứ lên cao 100 m thì nhiệt độ 0,6 ⁰ C), còn độ ẩm thì tăng đến một độ cao nào đó rồi mới giảm				
Đai nhiệt đới gió mùa	<p>- Miền Bắc : Dưới 600 – 700 m</p> <p>- Miền Nam : Dưới 900 – 1000 m</p>	<p>Khí hậu nhiệt đới biểu hiện ở nền nhiệt độ cao, mùa hạ nóng (nhiệt độ trung bình > 25⁰C), độ ẩm thay đổi từ khô hạn đến ẩm ướt</p>	<p>- Nhóm đất phù sa chiếm gần 24% diện tích đất tự nhiên cả nước, gồm đất phù sa ngọt, đất phèn ...</p> <p>- Nhóm đất feralit vùng đồi núi thấp chiếm hơn 60% diện tích đất tự nhiên cả nước, chủ yếu là đất feralit đỏ vàng và nâu đỏ</p>	<p>- Hệ sinh thái rừng nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh</p> <p>- Hệ sinh thái rừng nhiệt đới gió mùa</p>
Đai cận nhiệt đới gió mùa	<p>- Miền Bắc : Từ 600 – 700 m → 2600 m</p> <p>- Miền Nam : Từ 900 – 1000 m → 2600 m</p>	<p>Khí hậu mát mẻ, không có tháng nào nhiệt độ > 25⁰C, mưa nhiều, độ ẩm tăng</p>	<p>Đất feralit có mùn (đặc tính chua)</p>	<p>- Từ 600 – 700 m → 1600 – 1700 m : Hệ sinh thái rừng cận nhiệt đới lá rộng và lá kim</p>

trên núi			Đất mùn	- Trên 1600 – 1700 Rừng kém phát triển, đơn giản về thành phần loài, xuất hiện loài ôn đới
Đai ôn đới gió mùa trên núi	Từ 2600 m trở lên	Khí hậu ôn đới, quanh năm nhiệt độ < 15°C, mùa đông xuống dưới 5°C	Chủ yếu là đất mùn thô	Các loài thực vật ôn đới như đỗ quyên, lãnh sam, thiết sam, thông ...

IV- SO SÁNH CÁC MIỀN ĐỊA LÝ TỰ NHIÊN

Tên miền	Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ	Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ	Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ
Phạm vi	Tả ngạn sông Hồng, gồm vùng núi Đông Bắc và đồng bằng BB.	Hữu ngạn sông Hồng đến dãy Bạch Mã.	Từ dãy Bạch Mã trở vào Nam.
Đặc điểm chung	Chủ yếu là đồi núi thấp, gió mùa ĐB xâm nhập mạnh.	Có địa hình núi cao nhất nước ta, gió mùa ĐB giảm sút về phía tây và phía nam.	Không chịu ảnh hưởng của gió mùa ĐB; khí hậu cận xích đạo; địa hình phức tạp.
Địa hình	- Đồi núi thấp (độ cao TB khoảng 600m). - Hướng vòng cung (4 cánh cung) và các thung lũng sông, ĐB mở rộng. - Địa hình cacxtơ. - Đồng bằng BB mở rộng. Bờ biển phẳng, nhiều vịnh, đảo, quần đảo.	- Địa hình núi trung bình và cao chiếm ưu thế, dốc mạnh. - Hướng TB-ĐN. Nhiều cao nguyên, sơn nguyên, đồng bằng giữa núi. - Đồng Bằng thu nhỏ, chuyển tiếp từ ĐB châu thổ sang ĐB ven biển. - Nhiều cồn cát, bãi biển, đầm phá.	- Khối núi cổ Kon Tum. Các núi, sơn nguyên, cao nguyên ở cực Nam Trung Bộ Và Tây Nguyên. - Các dãy núi có hướng vòng cung. Sườn đông dốc mạnh, sườn Tây thoải. - Đồng bằng ven biển thu hẹp, đồng bằng Nam Bộ mở rộng. - Bờ biển NTB nhiều vũng vịnh.
Khí hậu	Mùa hạ nóng, mưa nhiều; mùa đông lạnh ít mưa. Khí hậu, thời tiết có nhiều biến động.	- Gió mùa ĐB suy yếu và biến tính - BTB có gió phơn Tây Nam, bão mạnh, mùa mưa chậm hơn.	- Khí hậu cận xích đạo (nhiệt độ >20°C). - Hai mùa mưa, khô rõ rệt.
Khoáng sản	- Giàu k/s: Than, sắt, thiếc, vonfram, vật liệu xây dựng,...	- Khoáng sản có: thiếc, sắt, apatit, crôm, titan, vật liệu xây dựng....	- Dầu khí có trữ lượng lớn. Tây Nguyên giàu bô xít.
Sông ngòi	- Mạng lưới sông ngòi dày đặc. Hướng TB-ĐN và hướng vòng cung.	Sông chảy theo hướng TB- ĐN, có độ dốc lớn, giàu tiềm năng thủy điện.	- Sông ở NTB ngắn, dốc. - Có 2 hệ thống sông lớn Sông Đồng Nai và sông Cửu Long.

Thổ nhưỡng, sinh vật	<ul style="list-style-type: none"> - Đai cận nhiệt đới hạ thấp. - Trong thành phần rừng có các loài cây cận 	<ul style="list-style-type: none"> - Có đủ hệ thống đai cao. SV phong phú, nhiều loài cây. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đai nhiệt đới chân núi lên 1000m - Thực vật nhiệt đới, xích đạo chiếm ưu thế. Nhiều
	nhiệt và động vật Hoa Nam		rừng, nhiều thú lớn. Rừng ngập mặn ven biển rất đặc trưng.

B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM THAM KHẢO

VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, PHẠM VI LÃNH THỔ

- Câu 1:** Vùng đất Việt Nam gồm toàn bộ phần đất liền và các
- A. hải đảo. B. đảo ven bờ. C. đảo xa bờ. D. quần đảo.
- Câu 2:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về vị trí địa lí của nước ta?
- A. Ở trung tâm bán đảo Đông Dương. B. Trong vùng nhiệt đới bán cầu Bắc.
C. Tiếp giáp với Biển Đông. D. Trong vùng nhiều thiên tai.
- Câu 3:** Các nước Đông Nam Á **không** có chung đường biên giới với nước ta trên biển là
- A. Phi-lip-pin, Mi-an-ma. B. Phi-lip-pin, Bru-nây.
C. Đông-ti-mo, Mi-an-ma. D. Ma-lai-xi-a, Phi-lip-pin.
- Câu 4:** Tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta được quy định bởi
- A. vị trí trong vùng nội chí tuyến. B. địa hình nước ta thấp dần ra biển.
C. hoạt động của gió phơn Tây Nam. D. địa hình nước ta nhiều đồi núi.
- Câu 5:** Ý nghĩa kinh tế của vị trí địa lý nước ta là
- A. tự nhiên phân hóa đa dạng giữa Bắc - Nam, Đông - Tây.
B. nguồn tài nguyên sinh vật và khoáng sản vô cùng giàu có.
C. thuận lợi giao lưu với các nước trong khu vực và thế giới.
D. thuận lợi để xây dựng nền văn hóa tương đồng với khu vực.
- Câu 6:** Lãnh hải của nước ta là
- A. vùng nước tiếp giáp với đất liền, ở phía trong đường cơ sở.
B. vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia trên biển rộng 12 hải lí.
C. vùng biển có chiều rộng 200 hải lí tính từ đường cơ sở.
D. vùng biển rộng 24 hải lí tính từ đường cơ sở.
- Câu 7:** Phía tây nước ta tiếp giáp với những quốc gia nào sau đây?
- A. Lào và Thái Lan. B. Campuchia và Trung Quốc.
C. Lào và Campuchia. D. Lào và Trung Quốc.
- Câu 8:** Vùng nước nằm trong đường nước cơ sở được gọi là vùng
- A. lãnh hải. B. nội thủy. C. đặc quyền kinh tế. D. tiếp giáp lãnh hải.
- Câu 9:** Căn cứ vào At lát Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp Lào?
- A. Phú Thọ. B. Hà Tĩnh. C. Bình Dương. D. Cao Bằng.
- Câu 10:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây nằm trên đường biên giới giữa Việt Nam - Trung Quốc?
- A. Sơn La. B. Thanh Hóa. C. Quảng Bình. D. Lào Cai.
- Câu 11:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết điểm cực Nam trên đất liền của nước ta thuộc tỉnh nào sau đây?
- A. Cà Mau. B. Sóc Trăng. C. Kiên Giang. D. An Giang.
- Câu 12:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết điểm cực Tây phần đất liền của nước ta thuộc tỉnh nào sau đây?
- A. Khánh Hòa. B. Cà Mau. C. Hà Giang. D. Điện Biên.
- Câu 13:** Nhận định nào sau đây **không** đúng về ý nghĩa vị trí địa lí nước ta?
- A. Tạo điều kiện chung sống hòa bình với các nước Đông Nam Á.
B. Quy định đặc điểm cơ bản của thiên nhiên là nhiệt đới ẩm gió mùa.
C. Tạo điều kiện để xây dựng nền văn hóa thống nhất trong khu vực.
D. Tạo điều kiện cho phát triển giao thông đường biển quốc tế.
- Câu 14:** Vị trí nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến nên có
- A. hai lần Mặt Trời lên thiên đỉnh trong năm. B. gió mùa Đông Bắc hoạt động ở mùa đông.
C. tổng lượng mưa lớn, độ ẩm không khí cao. D. một mùa có mưa nhiều và một mùa mưa ít.
- Câu 15:** Do nằm trong khu vực chịu ảnh hưởng của gió mùa châu Á nên nước ta có
- A. tổng bức xạ trong năm lớn. B. hai lần Mặt Trời qua thiên đỉnh.

C. khí hậu tạo thành hai mùa rõ rệt.

D. nền nhiệt độ cả nước cao.

ĐẤT NƯỚC NHIỀU ĐỒI NÚI

Câu 1: Địa hình nước ta **không** có đặc điểm chung nào sau đây?

A. Đồi núi chiếm phần lớn diện tích nhưng chủ yếu là núi cao.

B. Cấu trúc địa hình khá đa dạng.

C. Địa hình của vùng nhiệt đới ẩm gió mùa.

D. Địa hình chịu tác động mạnh mẽ của con người.

Câu 2: Đặc điểm khác nhau giữa Đồng bằng sông Hồng với Đồng bằng sông Cửu Long là

A. diện tích lãnh thổ rộng lớn hơn.

B. thủy triều xâm nhập sâu về mùa cạn.

C. gồm đất phù sa trong đê và ngoài đê.

D. mạng lưới sông ngòi dày đặc hơn.

Câu 3: Quá trình chính trong sự hình thành và biến đổi địa hình nước ta là

A. xói mòn, rửa trôi.

B. bồi tụ, mài mòn.

C. xâm thực, bồi tụ.

D. bồi tụ, xói mòn.

Câu 4: Vùng đất ngoài đê ở đồng bằng sông Hồng là nơi

A. có bậc ruộng cao bạc màu.

B. có nhiều ô trũng ngập nước.

C. không được bồi đắp thường xuyên.

D. được bồi đắp phù sa thường xuyên.

Câu 5: Địa hình núi cao tập trung chủ yếu ở khu vực nào sau đây?

A. Trường Sơn Bắc.

B. Đông Bắc.

C. Trường Sơn Nam.

D. Tây Bắc.

Câu 6: Vùng núi nào sau đây nằm giữa sông Hồng và sông Cả?

A. Trường Sơn Bắc.

B. Tây Bắc.

C. Đông Bắc.

D. Trường Sơn Nam.

Câu 7: Đặc điểm nổi bật của địa hình vùng núi Đông Bắc là

A. có các cao nguyên ba dan, xếp tầng.

B. núi thấp chiếm ưu thế, hướng vòng cung.

C. có các khối núi cao và đồ sộ nhất nước ta.

D. có 3 mạch núi hướng tây bắc - đông nam.

Câu 8: Đặc điểm địa hình thấp, được nâng cao ở hai đầu, thấp trũng ở giữa là của vùng núi nào sau đây?

A. Trường Sơn Nam.

B. Đông Bắc.

C. Trường Sơn Bắc.

D. Tây Bắc.

Câu 9: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với dải đồng bằng ven biển miền Trung?

A. Biển đóng vai trò hình thành chủ yếu.

B. Đất thường nghèo, có ít phù sa sông.

C. Ở giữa có nhiều vùng trũng rộng lớn.

D. Hẹp ngang và bị các dãy núi chia cắt.

Câu 10: Địa hình của vùng núi Tây Bắc nước ta có đặc điểm nào sau đây?

A. Chủ yếu là đồi núi thấp, hướng tây bắc - đông nam.

B. Địa hình cao nhất nước, hướng tây bắc - đông nam.

C. Có sự bất đối xứng rõ rệt giữa hai sườn Đông - Tây.

D. Thấp và hẹp ngang, nâng cao ở hai đầu, thấp ở giữa.

Câu 11: Vùng Đồng bằng sông Hồng nước ta **không** có đặc điểm nào sau đây?

A. Vùng đất trong đê được bồi đắp hàng năm.

B. Địa hình cao ở rìa phía tây và tây bắc.

C. Có hệ thống đê ven sông để ngăn lũ.

D. Bề mặt đồng bằng bị chia cắt thành nhiều ô.

Câu 12: Vùng núi có các thung lũng sông cùng hướng Tây Bắc - Đông Nam điển hình là

A. Đông Bắc.

B. Tây Bắc.

C. Trường Sơn Bắc.

D. Trường Sơn Nam.

Câu 13: Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với địa hình Việt Nam?

A. Đồi núi chiếm phần lớn diện tích.

B. Hầu hết là địa hình núi cao.

C. Có sự phân bậc rõ rệt theo độ cao.

D. Địa hình vùng nhiệt đới gió mùa.

Câu 14: Hướng nghiêng chung của địa hình nước ta là

A. bắc - nam.

B. tây bắc - đông bắc.

C. tây bắc - đông nam.

D. tây - đông.

Câu 15: Vòng cung là hướng chính và điển hình nhất của

A. dãy Hoàng Liên Sơn.

B. các dãy núi Đông Bắc

C. khối núi cực Nam Trung Bộ.

D. dãy Trường Sơn Bắc

Câu 16: Nét nổi bật của địa hình vùng núi Đông Bắc là

A. đồi núi thấp chiếm phần lớn diện tích.

B. các mạch núi lớn hướng Tây Bắc - Đông Nam

C. có rất nhiều đỉnh núi cao nhất nước ta.

D. gồm các dãy núi liên kề với các cao nguyên.

Câu 17: Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với địa hình vùng núi Đông Bắc?

A. Nằm ở phía Tây thung lũng sông Hồng.

B. Có 4 dãy núi lớn hướng vòng cung.

C. Thấp dần từ Tây Bắc xuống Đông Nam.

D. Ở trung tâm là vùng đồi núi thấp

Câu 18: Đặc điểm nổi bật của địa hình vùng núi Tây Bắc là

A. gồm các khối núi và cao nguyên.

B. có nhiều dãy núi cao và đồ sộ.

C. gồm 4 cánh cung lớn.

D. địa hình thấp và hẹp ngang.

Câu 19: Địa hình núi cao nhất ở Tây Bắc là

A. dãy Hoàng Liên Sơn.

B. biên giới Việt - Lào.

C. biên giới Việt - Trung.

D. các sơn nguyên đá vôi.

Câu 20: Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với Đồng bằng sông Cửu Long?

A. Là đồng bằng châu thổ rộng lớn.

B. Được bồi đắp phù sa của sông Cửu Long.

C. Trên bề mặt có nhiều đê sông.

D. Có mạng lưới kênh rạch chằng chịt.

Câu 21: Đặc điểm giống nhau giữa đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long là

A. có hệ thống đê sông và đê biển.

B. do phù sa các sông lớn tạo nên.

C. có nhiều sông ngòi, kênh rạch.

D. bị thủy triều tác động rất mạnh.

Câu 22: Đặc điểm giống nhau chủ yếu nhất giữa địa hình bán bình nguyên và đồi trung du là

A. bị chia cắt do tác động của dòng chảy.

B. nằm chuyển tiếp giữa miền núi và đồng bằng.

C. có cả đất phù sa cổ lẫn đất đỏ ba dan.

D. độ cao khoảng từ 100m đến 200m.

Câu 23: Đất đai ở vùng ven biển miền Trung thường nghèo dinh dưỡng, nhiều cát, ít phù sa sông chủ yếu do

A. cát sông miền Trung ngắn và rất nghèo phù sa.

B. bị xói mòn, rửa trôi mạnh trong điều kiện mưa nhiều.

C. đồng bằng nằm ở chân núi, nhận nhiều cát sỏi trôi xuống.

D. trong sự hình thành đồng bằng, biển đóng vai trò chủ yếu.

Câu 24: Đặc điểm nào sau đây **không** phải của sông ngòi miền Trung nước ta?

A. Có lũ vào thu - đông.

B. Chế độ nước thất thường.

C. Dòng sông ngắn và dốc.

D. Lũ lên chậm xuống chậm.

Câu 25: Điểm khác biệt rõ nét về địa hình giữa vùng núi Trường Sơn Nam so với vùng núi Trường Sơn Bắc là

A. địa hình có độ cao nhỏ hơn.

B. núi theo hướng vòng cung.

C. độ dốc địa hình nhỏ hơn.

D. có các khối núi và cao nguyên.

Câu 26: Điểm nào sau đây **không** đúng với dải đồng bằng ven biển miền Trung?

A. Bị chia cắt thành nhiều đồng bằng nhỏ.

B. Đồng bằng có diện tích lớn, mở rộng về phía biển.

C. Đất thường nghèo, nhiều cát, ít phù sa sông.

D. Từ tây sang đông thường có 3 dải địa hình.

Câu 27: Đồng bằng ven biển miền Trung có

A. bờ biển thấp, phẳng.

B. thêm lục địa mở rộng.

C. vũng, vịnh, đầm phá ven biển.

D. nhiều cửa sông lớn đổ ra biển.

Câu 28: Khu vực đồi núi nước ta **không** phải là nơi có

A. địa hình dốc, bị chia cắt mạnh.

B. hạn hán, ngập lụt thường xuyên.

C. nhiều hẻm vực, lăm sông suối.

D. xói mòn và trượt lở đất nhiều.

Câu 29: Cơ sở cho việc đa dạng hóa cơ cấu cây trồng ở miền núi nước ta chủ yếu do có

A. nguồn nước dồi dào và cung cấp đủ quanh năm.

B. địa hình đa dạng, khác nhau giữa các khu vực.

C. đất feralit diện tích rộng, có nhiều loại khác nhau.

D. khí hậu miền núi có sự phân hóa rõ rệt theo độ cao.

Câu 30: Hạn chế lớn nhất của vùng núi đá vôi nước ta là

A. dễ xảy ra lũ nguồn, lũ quét.

B. nhiều nguy cơ phát sinh động đất.

C. dễ xảy ra tình trạng thiếu nước.

D. dễ xảy ra cháy rừng.

Chủ đề 4- **THIÊN NHIÊN CHỊU ẢNH HƯỞNG SÂU SẮC CỦA BIỂN**

Câu 1: Đặc điểm chung vùng biển nước ta là

- A. biển lớn, mở rộng ra đại dương và nóng quanh năm.
- B. biển nhỏ, tương đối kín và nóng quanh năm.
- C. biển lớn, tương đối kín, mang tính nhiệt đới gió mùa.
- D. biển nhỏ, mở và mang tính chất nhiệt đới gió mùa.

Câu 2: Biển Đông có đặc điểm nào sau đây?

- A. Nằm hoàn toàn trong vùng nhiệt đới ẩm gió mùa.
- B. Là biển nhỏ trong các biển của Thái Bình Dương.
- C. Nằm ở rìa phía đông của Thái Bình Dương.
- D. Phía đông và đông nam mở rộng ra đại dương.

Câu 3: Tính chất nhiệt đới của biển Đông được thể hiện rõ trong đặc điểm nào sau đây?

- A. nhiệt độ nước biển cao, trung bình năm trên 23⁰C.
- B. Độ mặn trung bình 32 - 33‰, thay đổi theo mùa.
- C. Sóng biển mạnh nhất vào thời kì gió mùa Đông Bắc.
- D. Trong năm thủy triều biến động theo hai mùa lũ cạn.

Câu 4: Biển Đông là một vùng biển

- A. diện tích không rộng.
- B. có đặc tính nóng ẩm.
- C. mở rộng ra Thái Bình Dương.
- D. ít chịu ảnh hưởng của gió mùa.

Câu 5: Phát biểu nào dưới đây **không** đúng khi nói về ảnh hưởng của Biển Đông đến khí hậu nước ta?

- A. Làm dịu tính nóng bức của mùa hạ.
- B. Làm cho khí hậu khô hạn.
- C. Tăng độ ẩm tương đối của không khí.
- D. Mang lại lượng mưa lớn.

Câu 6: Biển Đông nằm trong vùng nội chí tuyến nên có đặc tính là

- A. độ mặn không lớn.
- B. có nhiều dòng hải lưu.
- C. nóng ẩm quanh năm.
- D. biển tương đối lớn.

Câu 7: Vị trí khép kín của biển Đông đã làm cho

- A. biển Đông ít bị thiên tai, khí hậu khá ổn định.
- B. nhiệt độ cao và chịu ảnh hưởng của gió mùa.
- C. hải lưu có tính khép kín, chảy theo hướng gió mùa.
- D. trong năm thủy triều biến động theo hai mùa lũ cạn.

Câu 8: Đặc điểm nào sau đây của biển Đông có ảnh hưởng lớn nhất đến tự nhiên nước ta?

- A. Có diện tích lớn, lượng nước dồi dào.
- B. Nóng ẩm và chịu ảnh hưởng của gió mùa.
- C. Biển kín và có các hải lưu chảy khép kín.
- D. Có diện tích lớn, thềm lục địa mở rộng.

Câu 9: Biển Đông ảnh hưởng trực tiếp nhất đến thành phần tự nhiên nào sau đây ?

- A. Đất đai.
- B. Địa hình.
- C. Khí hậu.
- D. Sông ngòi.

Câu 10: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về ảnh hưởng của Biển Đông đối với khí hậu nước ta ?

- A. Làm tăng độ ẩm tương đối của không khí.
- B. Giảm độ lục địa của các vùng đất phía tây.
- C. Biển Đông mang lại một lượng mưa lớn.
- D. Làm tăng độ lạnh của gió mùa Đông Bắc.

Câu 11: Biển Đông làm cho khí hậu nước ta mang nhiều đặc tính của khí hậu hải dương là do

- A. biển rộng, nhiệt độ cao và biến động theo mùa.
- B. biển rộng, nhiệt độ cao và có hải lưu.
- C. biển rộng, nhiệt độ cao và chế độ triều phức tạp.
- D. biển rộng, nhiệt độ cao và tương đối kín.

Câu 12: Biểu hiện của tính đa dạng địa hình ven biển nước ta là có nhiều

- A. vịnh cửa sông và bờ biển mài mòn.
- B. đảo ven bờ và quần đảo xa bờ.
- C. dạng địa hình khác nhau ở ven biển.
- D. đầm phá và các bãi cát phẳng.

Câu 13: Phát biểu nào dưới đây **không** đúng khi nói về ảnh hưởng của Biển Đông đến khí hậu nước ta?

- A. Mang lại lượng mưa, ẩm lớn.
- B. Lượng mưa lớn và theo mùa.
- C. Tăng độ ẩm tương đối của không khí.
- D. Làm dịu tính nóng bức của mùa hạ.

Câu 14: Nước ta **không** có nhiều hoang mạc như các nước cùng vĩ độ ở Tây Á do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

- A. Nằm trên đường di cư của các luồng sinh vật.
- B. Nằm ở trung tâm khu vực Đông Nam Á.
- C. Tiếp giáp Biển Đông và lãnh thổ hẹp ngang, kéo dài.
- D. Nằm trong khu vực nội chí tuyến bán cầu Bắc.

Câu 15: Thế mạnh về tự nhiên nào sau đây là quan trọng nhất để phát triển khai thác thủy sản ở Duyên hải Nam Trung Bộ ?

- A. Nhiều vụng, đầm phá, bãi triều rộng.
- B. Bờ biển dài, có nhiều ngư trường lớn.
- C. Ít chịu ảnh hưởng của bão và gió mùa Đông Bắc.
- D. Bờ biển có nhiều vịnh để xây dựng cảng cá.

Câu 16: Nguyên nhân cơ bản dẫn đến sự suy giảm diện tích rừng ngập mặn ở nước ta hiện nay là do

- A. môi trường nước ô nhiễm.
- B. mở rộng đất nông nghiệp.
- C. khai thác rừng lấy gỗ, củi.
- D. biến đổi khí hậu toàn cầu.

Câu 17: Nước ta tiếp giáp với Biển Đông, nên có

- A. nhiệt độ trung bình cao.
- B. độ ẩm không khí lớn.
- C. địa hình nhiều đồi núi.
- D. sự phân mùa khí hậu.

Câu 18: Nơi có nhiệt độ cao, nhiều nắng, ít sông đổ ra biển thuận lợi nhất cho nghề

- A. khai thác hải sản.
- B. làm muối.
- C. nuôi trồng thủy sản.
- D. chế biến thủy sản.

THIÊN NHIÊN NHIỆT ĐỚI ẨM GIÓ MÙA

Câu 1: Gió mùa đông bắc tạo nên một mùa đông lạnh ở

- A. miền Trung.
- B. miền Bắc.
- C. miền Nam.
- D. Tây Nguyên.

Câu 2: Hệ sinh thái rừng nguyên sinh đặc trưng cho khí hậu nóng ẩm của nước ta là

- A. rừng thưa nhiệt đới khô rụng lá theo mùa.
- B. rừng nhiệt đới gió mùa nửa rụng lá.
- C. rừng rậm nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh.
- D. rừng nhiệt đới gió mùa thường xanh.

Câu 3: Vào mùa đông, gió mùa Đông Bắc ở miền Bắc nước ta thổi xen kẽ với

- A. gió Tây ôn đới.
- B. Tín phong bán cầu Bắc.
- C. phơn Tây Nam.
- D. Tín phong bán cầu Nam.

Câu 4: Sông ngòi nước ta có chế độ nước theo mùa là do

- A. chế độ mưa mùa.
- B. hoạt động của dải hội tụ nhiệt đới.
- C. hoạt động của bão.
- D. sự đa dạng của hệ thống sông ngòi.

Câu 5: Gió nào sau đây gây mưa phùn ở vùng ven biển và các đồng bằng Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ?

- A. Gió mùa Đông Bắc.
- B. Tín phong bán cầu Bắc.
- C. Gió phơn Tây Nam.
- D. Tín phong bán cầu Nam.

Câu 6: Vào đầu mùa hạ, gió mùa mùa hạ xuất phát từ đâu?

- A. Áp cao bắc Ấn Độ Dương.
- B. Biển Đông.
- C. Áp cao cận chí tuyến bán cầu Nam.
- D. Cao áp Xi bia.

Câu 7: Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với sông ngòi nước ta?

- A. Mạng lưới dày đặc.
- B. Nhiều nước quanh năm.
- D. Thủy chế theo mùa.
- C. Có trữ lượng phù sa lớn.

Câu 8: Phát biểu nào sau đây đúng khi nói về đặc điểm gió mùa ở nước ta?

- A. Gió mùa mùa hạ có hướng chính là đông nam.
- B. Gió mùa mùa hạ có nguồn gốc từ cao áp Xibia.
- C. Gió mùa mùa đông thổi liên tục từ tháng 11 đến tháng 4.
- D. Gió mùa mùa đông thổi từng đợt từ tháng 11 đến tháng 4.

Câu 9: Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa của sông ngòi nước ta biểu hiện ở đặc điểm nào sau đây?

- A. Sông ngòi dày đặc, nhiều nước, ít phù sa, chế độ nước thất thường.
- B. Sông ngòi dày đặc, nhiều nước, giàu phù sa, chế độ nước theo mùa.
- C. Sông ngòi dày đặc, có nhiều nước, giàu phù sa, chế độ nước ổn định.
- D. Sông ngòi dày đặc, chủ yếu hướng tây bắc - đông nam và vòng cung.

Câu 10: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết tháng nào sau đây ở trạm khí tượng Sa Pa có lượng mưa lớn nhất?

- A. Tháng XI.
- B. Tháng VIII.
- C. Tháng IX.
- D. Tháng X.

Câu 11: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết gió mùa mùa hạ thổi vào Bắc Trung Bộ

nước ta chủ yếu theo hướng nào sau đây?

- A. Đông Bắc. B. Đông Nam. C. Tây Bắc. D. Tây Nam.

Câu 12: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết Nha Trang thuộc vùng khí hậu nào sau đây?

- A. Vùng khí hậu Bắc Trung Bộ. B. Vùng khí hậu Tây Bắc Bộ.
C. Vùng khí hậu Nam Trung Bộ. D. Vùng khí hậu Đông Bắc Bộ.

Câu 13: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông nào sau đây thuộc hệ thống sông Thái Bình?

- A. Sông Chu. B. Sông Cầu. C. Sông Cả. D. Sông Mã.

Câu 14: Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang 10, cho biết lưu lượng nước trung bình nhỏ nhất của sông Hồng (trạm Hà Nội) vào tháng nào sau đây?

- A. 5. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 15: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông nào sau đây thuộc hệ thống sông Cả?

- A. Sông Cầu. B. Sông Hiếu. C. Sông Đà. D. Sông Thương.

Câu 16: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết trong các hệ thống sông sau đây, hệ thống sông nào có tỉ lệ diện tích lưu vực lớn nhất?

- A. Sông Thái Bình. B. Sông Thu Bồn. C. Sông Mã. D. Sông Ba.

Câu 17: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết lưu lượng nước trung bình lớn nhất của sông Hồng (trạm Hà Nội) vào thời gian nào sau đây?

- A. Tháng 9. B. Tháng 7. C. Tháng 8. D. Tháng 6.

Câu 18: Mưa phùn vùng ven biển và các đồng bằng Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ thường diễn ra vào

- A. nửa đầu mùa đông. B. nửa sau mùa đông. C. nửa sau mùa xuân. D. nửa đầu mùa hạ.

Câu 19: Sự hình thành gió phơn Tây Nam ở các đồng bằng ven biển miền Trung nước ta là do tác động kết hợp của

- A. Gió tây nam từ Bắc Ấn Độ Dương đến và dãy Trường Sơn
B. gió mùa Tây Nam từ Nam bán cầu lên và dãy Trường Sơn
C. địa hình núi đồi kéo dài ở phía tây và Tín phong bán cầu Bắc
D. lãnh thổ hẹp ngang và hoạt động của các loại gió vào mùa hạ

Câu 20: Mùa mưa vào thu - đông là đặc điểm của khu vực nào sau đây của nước ta ?

- A. Đông Bắc. B. Đồng bằng Bắc Bộ. C. Trung Bộ. D. Tây Nguyên.

Câu 21: Thời kì chuyển tiếp hoạt động giữa gió mùa Đông Bắc và Tây Nam là thời kì hoạt động mạnh của

- A. gió mùa mùa đông. B. gió mùa mùa hạ. C. gió Mậu dịch. D. gió địa phương.

Câu 22: Mùa đông ở miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ có đặc điểm là

- A. đến muộn và kết thúc muộn. B. đến muộn và kết thúc sớm.
C. đến sớm và kết thúc muộn. D. đến sớm và kết thúc sớm.

Câu 23: Ý nào sau đây **không** đúng với tác động của Tín phong bán cầu Bắc trong mùa đông ở nước ta?

- A. Tạo nên những ngày thời tiết nắng nóng ở miền Bắc nước ta.
B. Gây mưa cho vùng ven biển Trung Bộ.
C. Gây mưa phùn cho vùng ven biển và đồng bằng Bắc Bộ.
D. Tạo nên mùa khô sâu sắc cho Nam Bộ và Tây Nguyên.

Câu 24: Loại gió nào sau đây gây mưa trên phạm vi cả nước vào mùa hạ?

- A. Gió Đông Nam đã biến tính. B. Gió Tín phong bán cầu Bắc.
C. Gió Tây Nam từ vịnh Bengan. D. Gió Tín phong bán cầu Nam.

Câu 25: Khu vực nào sau đây chịu ảnh hưởng mạnh nhất của gió phơn Tây nam?

- A. Tây nguyên. B. Duyên hải Nam Trung Bộ.
C. Tây Bắc. D. Bắc Trung Bộ.

Câu 26: Gió Tây Nam hoạt động trong thời kì đầu mùa hạ ở nước ta có nguồn gốc từ

- A. khối khí nhiệt đới ẩm Bắc Ấn Độ Dương. B. khối khí chí tuyến Bán cầu Nam.
C. khối khí nhiệt đới Nam Thái Bình Dương. D. khối khí chí tuyến Bán cầu Bắc.

Câu 22: Loại gió nào sau đây là nguyên nhân chính tạo nên mùa khô ở Nam Bộ nước ta?

- A. Gió mùa Đông Bắc.
- C. Gió phơn Tây Nam.

- B. Tín phong bán cầu Bắc.
- D. Gió mùa Tây Nam.

Câu 27: Nơi chịu ảnh hưởng mạnh nhất của gió mùa Đông Bắc là

- A. Đông Bắc và đồng bằng Bắc Bộ.
- B. Tây Bắc và đồng bằng Bắc Bộ.
- C. Đông Bắc và Bắc Trung Bộ.
- D. Tây Bắc và Bắc Trung Bộ.

Câu 28: Thời tiết nóng và khô ở ven biển Trung bộ và phần nam của khu vực Tây Bắc nước ta do loại gió nào sau đây gây ra?

- A. Gió mùa Đông Bắc.
- B. Tín phong bán cầu Nam.
- C. Gió Tây Nam đầu mùa.
- D. Tín phong bán cầu Bắc.

Câu 29: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với gió mùa Đông Bắc ở nước ta?

- A. Hầu như kết thúc ở dãy Bạch Mã.
- B. Chỉ hoạt động ở miền Bắc.
- C. Tạo nên mùa đông lạnh ở miền Bắc.
- D. Thổi liên tục suốt mùa đông.

Câu 30: Biên độ nhiệt năm ở phía Bắc cao hơn ở phía Nam, chủ yếu vì phía Bắc

- A. có một mùa đông lạnh.
- B. có gió phơn Tây Nam.
- C. nằm gần chí tuyến hơn.
- D. có địa hình cao hơn.

BÀI 10. THIÊN NHIÊN NHIỆT ĐỚI ẤM GIÓ MÙA (tt)

Câu 1: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với đặc điểm sông ngòi nước ta?

- A. Nhiều sông.
- B. Phần lớn là sông nhỏ.
- C. Giàu phù sa.
- D. Ít phụ lưu.

Câu 2: Quá trình feralit hóa là quá trình hình thành đất đặc trưng cho vùng khí hậu

- A. cận nhiệt lục địa.
- B. nhiệt đới ẩm.
- C. ôn đới hải dương.
- D. cận cực lục địa.

Câu 3: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với đặc điểm sông ngòi nước ta?

- A. Dày đặc.
- B. Ít nước.
- C. Giàu phù sa.
- D. Thủy chế theo mùa.

Câu 4: Quá trình feralit hóa là quá trình hình thành đất chủ yếu ở nước ta do nguyên nhân nào sau đây ?

- A. Địa hình chủ yếu là đồng bằng.
- B. Có khí hậu nhiệt đới ẩm, nhiều đồi núi thấp.
- C. Địa hình chủ yếu là đồi núi thấp.
- D. Trong năm có 2 mùa mưa, khô rõ rệt.

Câu 5: Mạng lưới sông ngòi nước ta dày đặc do

- A. địa hình nhiều đồi núi, lượng mưa lớn.
- B. lượng mưa lớn, có các đồng bằng rộng.
- C. có các đồng bằng rộng, đồi núi dốc lớn.
- D. đồi núi dốc, lớp phủ thực vật bị phá hủy.

Câu 6: Sông ngòi nước ta có đặc điểm nào sau đây?

- A. Phần lớn sông đều dài dốc và dễ bị lũ lụt.
- B. Có lưu lượng lớn, hàm lượng phù sa cao.
- C. Lượng nước phân bố đồng đều ở các hệ thống sông.
- D. Phần lớn sông chảy theo hướng đông nam - tây bắc.

Câu 7: Hậu quả của quá trình xâm thực mạnh gây ra ở miền núi là

- A. tạo thành nhiều phụ lưu.
- B. tạo nên các cao nguyên lớn.
- C. địa hình cắt xẻ, rửa trôi.
- D. tạo thành dạng địa hình mới.

Câu 8: Chế độ sông ngòi ở nước ta phân hóa theo mùa là do

- A. địa hình có độ dốc lớn, nước mưa nhiều.
- B. đặc điểm khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.
- C. địa hình chủ yếu là đồi núi, mưa nhiều.
- D. khí hậu phân hóa mùa mưa và mùa khô.

Câu 9: Hệ quả của quá trình xâm thực mạnh ở miền đồi núi đối với sông ngòi nước ta là

- A. tạo dòng chảy mạnh.
- B. có nhiều phụ lưu lớn.
- C. tổng lượng cát bùn lớn.
- D. tốc độ bào mòn rất nhỏ.

Câu 10: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với đặc tính của đất feralit ở nước ta?

- A. Lớp phong hóa dày.
- B. Đất thông khí thoát nước.
- C. Giàu các chất bazơ.
- D. Nhiều ôxit sắt, ôxit nhôm.

Câu 11: Sông nào sau đây có mùa lũ vào thu - đông?

- A. Sông Hồng.
- B. S Cửu Long.
- C. Sông Đà Rằng.
- D. Sông Đà

Câu 12: Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây làm cho sông ngòi nước ta có hàm lượng phù sa lớn?

- A. Mạng lưới sông ngòi dày đặc.
- B. Chế độ nước thay đổi theo mùa.
- C. Tổng lượng dòng chảy lớn.
- D. Xâm thực mạnh ở miền núi.

Câu 13: Phần lớn sông ngòi nước ta có đặc điểm ngắn và dốc chủ yếu do nhân tố nào sau đây quy định?

BÀI 11, BÀI 12. THIÊN NHIÊN PHÂN HÓA ĐA DẠNG

- Câu 1:** Sự phân chia mùa khí hậu thành mùa mưa và mùa khô ở phần lãnh thổ phía Nam đặc biệt rõ nét từ vĩ độ
- A. 16° B trở vào. B. 16° B trở ra. C. 14° B trở vào. D. 14° B - 16° B.
- Câu 2:** Phát biểu nào sau đây **không** phải là đặc điểm của phần lãnh thổ phía Bắc nước ta?
- A. Trong năm có một mùa đông lạnh. B. Thời tiết thường diễn biến phức tạp.
C. Có một mùa khô sâu sắc kéo dài. D. Biên độ nhiệt độ trung bình năm lớn.
- Câu 3:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với khí hậu của phần lãnh thổ phía Nam nước ta?
- A. Biên độ nhiệt độ trung bình năm lớn. B. Nhiệt độ trung bình năm trên 25°C .
C. Phân hóa hai mùa mưa và khô rõ rệt. D. Nền nhiệt độ thiên về khí hậu xích đạo.
- Câu 4:** Nhận xét nào sau đây **không** đúng với sự thay đổi nhiệt độ theo Bắc - Nam ở nước ta?
- A. Biên độ nhiệt độ năm càng vào Nam càng giảm.
B. Nhiệt độ trung bình năm tăng dần từ Bắc - Nam.
C. Nhiệt độ trung bình năm giảm dần từ Bắc - Nam.
D. Nhiệt độ mùa hạ ít có sự khác nhau giữa hai miền.
- Câu 5:** Hệ sinh thái đặc trưng của khu vực cực Nam Trung Bộ nước ta là
- A. xa van cây bụi. B. rừng thưa nhiệt đới khô.
C. rừng nhiệt đới. D. rừng thường xanh trên đá vôi.
- Câu 6:** Thành phần loài chiếm ưu thế ở phần lãnh thổ phía Bắc nước ta là
- A. cây lá kim và thú có lông dày. B. cây chịu hạn, rụng lá theo mùa.
C. động thực vật cận nhiệt đới. D. động thực vật nhiệt đới.
- Câu 7:** Nguyên nhân chính làm phân hoá thiên nhiên theo vĩ độ (Bắc - Nam) là sự phân hoá của:
- A. Địa hình. B. Khí hậu.
C. Đất đai. D. Sinh vật.
- Câu 8:** Phạm vi đới cảnh quan rừng nhiệt đới gió mùa, biểu hiện rõ rệt nhất là
- A. từ dãy Bạch Mã trở ra. B. từ dãy Hoàng Sơn trở ra.
C. từ dãy Hoàng Sơn trở vào. D. từ dãy Bạch Mã trở vào.
- Câu 9:** Cảnh quan thiên nhiên tiêu biểu cho vùng lãnh thổ phía Bắc là đới rừng
- A. nhiệt đới gió mùa. B. xa van và cây bụi. C. cận nhiệt đới. D. ôn đới gió mùa.
- Câu 10:** Trong đai nhiệt đới gió mùa, sinh vật chiếm ưu thế là các hệ sinh thái
- A. ôn đới. B. cận nhiệt đới. C. xa van. D. nhiệt đới.
- Câu 11:** Đặc điểm khí hậu nào sau đây thuộc đai ôn đới gió mùa trên núi?
- A. Nhiệt độ tháng lạnh nhất trên 10°C . B. Nhiệt độ tháng nóng nhất trên 35°C .
C. Nhiệt độ trung bình năm dưới 5°C . D. Nhiệt độ trung bình năm dưới 15°C .
- Câu 12:** Hệ sinh thái đặc trưng của đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi là
- A. Rừng lá kim trên đất feralit có mùn. B. Rừng gió mùa lá rộng thường xanh.
C. Rừng lá kim trên đất feralit. D. Rừng cận nhiệt đới lá rộng.
- Câu 13:** Đai ôn đới gió mùa trên núi chỉ có ở
- A. Trường Sơn Nam. B. Trường Sơn Bắc. C. Hoàng Liên Sơn. D. Dãy Bạch Mã.
- Câu 14:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về sự phân hóa thiên nhiên theo độ cao của nước ta?
- A. Nhóm đất feralit chiếm phần lớn diện tích đai nhiệt đới gió mùa.
B. Ranh giới đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi miền Bắc thấp hơn miền Nam.
C. Các loài chim di cư thuộc khu hệ Himalaya chỉ có ở độ cao trên 2600m.
D. Đai ôn đới gió mùa trên núi chỉ có ở miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ.
- Câu 15:** Đặc trưng của khí hậu miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ là
- A. mùa mưa lùi dần về mùa thu - đông. B. gió phơn Tây Nam hoạt động mạnh.
C. chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc. D. phân chia hai mùa mưa, khô sâu sắc.
- Câu 16:** Khí hậu miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ có đặc điểm nào sau đây?
- A. Nóng, ẩm quanh năm. B. Tính chất cận xích đạo.

C. Tính chất ôn hòa.

D. Khô hạn quanh năm.

Câu 17: Giữa Tây Nguyên và đồng bằng ven biển Nam Trung Bộ có sự đối lập về mùa mưa và mùa khô là do ảnh hưởng của

A. dãy núi Hoành Sơn kết hợp với ảnh hưởng của gió mùa.

B. dãy núi Trường Sơn kết hợp với ảnh hưởng của gió mùa.

C. dãy núi Bạch Mã kết hợp với ảnh hưởng của gió mùa.

D. dãy núi Hoàng Liên Sơn kết hợp với ảnh hưởng của biển.

Câu 18: Đai cao cận nhiệt đới gió mùa trên núi ở miền Nam lên cao hơn so với miền Bắc chủ yếu vì

A. có nền nhiệt độ thấp hơn.

B. có nền nhiệt độ cao hơn.

C. có nền địa hình thấp hơn.

D. có nền địa hình cao hơn.

Câu 19: Đặc điểm nào sau đây không đúng với khí hậu của phần phía Nam nước ta?

A. Khí hậu nóng quanh năm.

B. Không có tháng nào dưới 20°C.

C. Có 2 mùa mưa và khô rõ rệt.

D. Có mưa phùn vào mùa đông.

Câu 20: Vùng nào sau đây có đầy đủ 3 đai cao?

A. Đông Bắc.

B. Tây Bắc.

C. Trường Sơn Bắc.

D. Trường Sơn Nam.

C. CÂU HỎI TỰ LUẬN THAM KHẢO:

1/ Phân tích được ảnh hưởng của các thiên tai vùng biển đối với sự phát triển kinh tế xã hội.

2/ Phân tích được ảnh hưởng của các thiên tai vùng biển đến phát triển kinh tế - xã hội.

3/ Giải thích được vì sao hoạt động của gió mùa dẫn đến sự phân chia mùa khí hậu của nước ta?

4/ Giải thích được vì sao thiên nhiên nước ta mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa?

5/ Tại sao giữa Tây Nguyên và đồng bằng ven biển Trung Trung Bộ đối lập về mùa mưa và mùa khô?

6/ Phân tích được ảnh hưởng của các thành phần tự nhiên đến các hoạt động đời sống và sản xuất.

7/ Giải thích được vì sao hoạt động của gió mùa dẫn đến sự phân chia mùa của khí hậu nước ta.

8/ Phân tích được đặc điểm của cảnh quan ba miền tự nhiên ở nước ta.

9/ Giải thích được đặc điểm cảnh quan ba miền tự nhiên ở nước ta.

10/ Phân tích và giải thích được số liệu về tự nhiên Việt Nam

BT 1: Cho bảng số liệu:

NHIỆT ĐỘ KHÔNG KHÍ TRUNG BÌNH CÁC THÁNG NĂM 2019 TẠI MỘT SỐ ĐỊA ĐIỂM

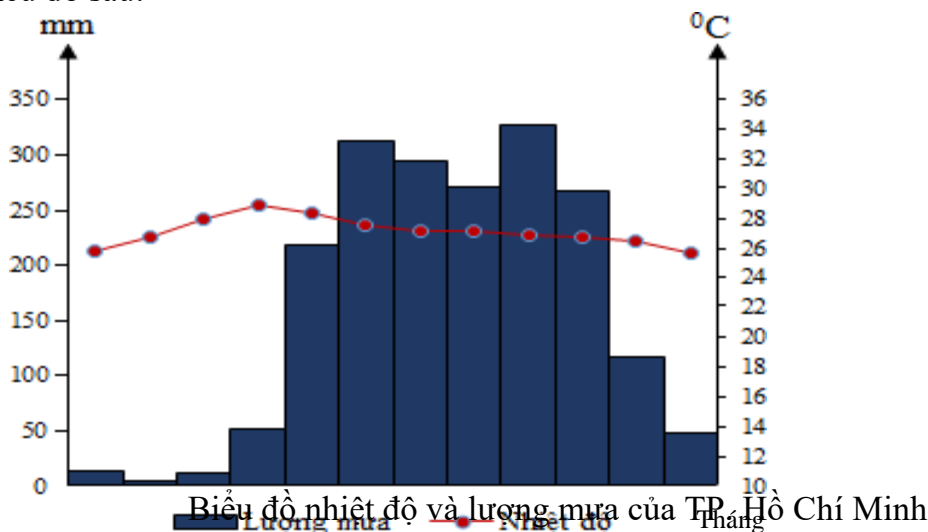
(Đơn vị: °C)

Tháng Địa điểm	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Hà Nội (Láng)	18,0	22,4	22,6	27,5	28,2	31,6	31,4	29,9	29,5	26,7	23,5	19,6
Cà Mau	27,0	27,4	28,6	29,9	29,5	28,5	28,2	27,6	27,9	27,9	27,8	26,5

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê, 2020)

Tính nhiệt độ trung bình năm và biên độ nhiệt năm của 3 địa điểm trên.

BT 2. Cho biểu đồ sau:



Nhận xét về biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa của TP. Hồ Chí Minh?

BT 3. Cho bảng số liệu:

NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH CÁC THÁNG NĂM 2019

(Đơn vị: °C)

Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Cà Mau	27,0	27,4	28,6	29,9	29,5	28,5	28,2	27,6	27,9	27,9	27,8	26,5

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB 2020)

Nhận xét về chế độ nhiệt của Cà Mau năm 2019?

BT 4: Nhận xét về lượng cân bằng ẩm của các địa điểm và rút ra kết luận?

BT 5. Cho bảng số liệu:

LƯỢNG MƯA VÀ LƯỢNG BỐC HƠI CỦA MỘT SỐ ĐỊA ĐIỂM

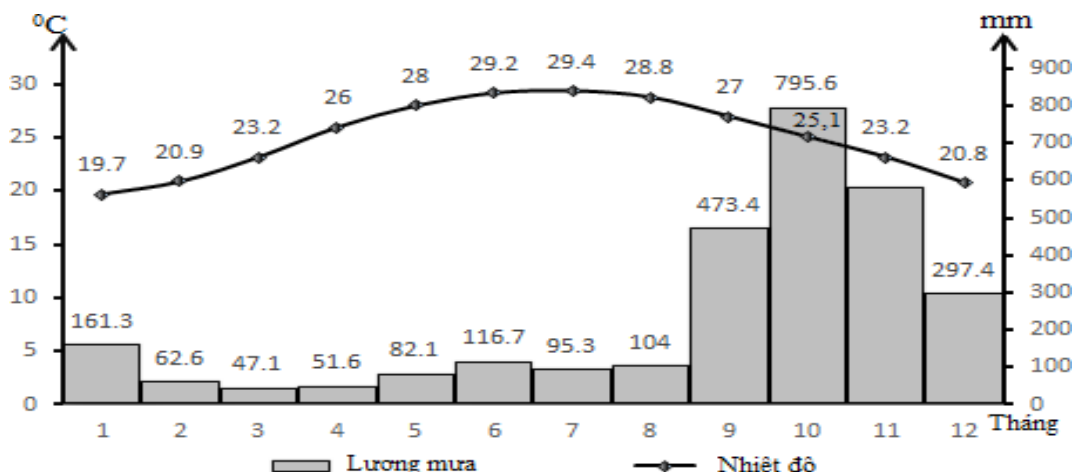
(Đơn vị: mm)

Địa điểm	Lượng mưa	Lượng bốc hơi
Hà Nội	1676	989
Huế	2868	1000
TP Hồ Chí Minh	1931	1686

(Nguồn: Sách giáo khoa Địa lí 12, NXB Giáo dục, 2009)

Nhìn bảng số liệu, nhận xét về lượng mưa và lượng bốc hơi của Hà Nội, Huế và TP Hồ Chí Minh?

BT 6. Cho biểu đồ:



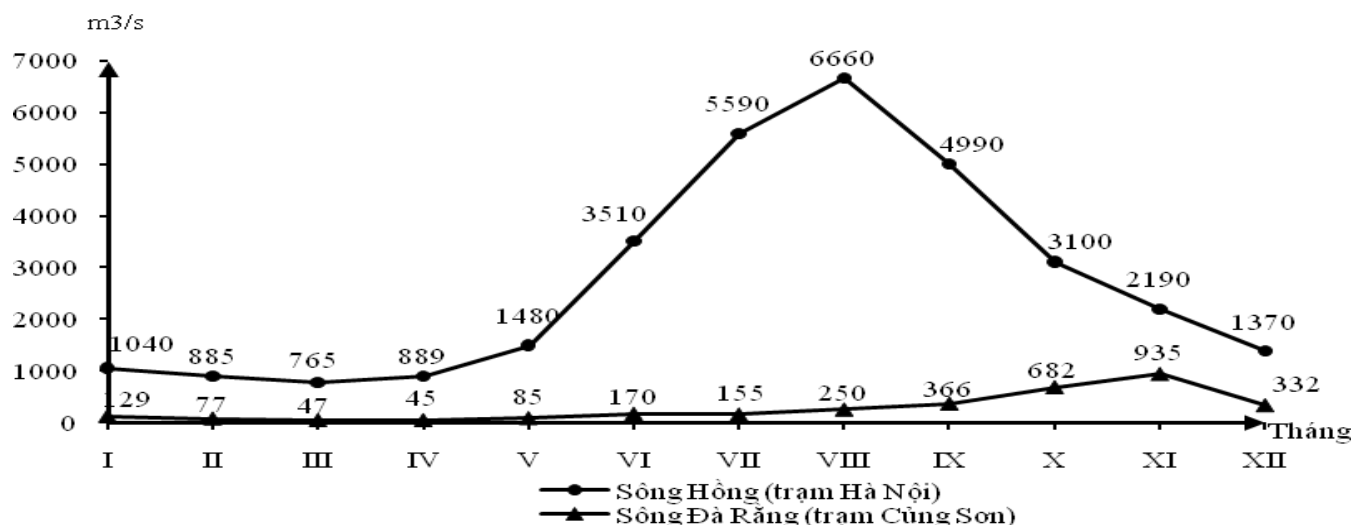
NHIỆT ĐỘ VÀ LƯỢNG MƯA Ở TRẠM KHÍ TƯỢNG HUẾ

(Nguồn: Sách giáo khoa Địa lí 12 Nâng cao, NXB Giáo dục, 2009)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng với đặc điểm nhiệt độ và lượng mưa của Huế?

BT 7. Cho biểu đồ:

LƯU LƯỢNG NƯỚC TRUNG BÌNH SÔNG HỒNG VÀ SÔNG ĐÀ RẰNG



Căn cứ vào biểu đồ hãy cho biết nhận xét về chế độ nước sông Hồng và sông Đà Rằng?

D. Ôn tập lại cách vẽ biểu đồ và nhận xét bảng số liệu.
